

---

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH  
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG  
MOBIFONE**

## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>1. Mục lục</b>	<b>1</b>
<b>2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2 - 4</b>
<b>3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ</b>	<b>5 - 6</b>
<b>4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>	<b>7 - 10</b>
<b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>	<b>11</b>
<b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>	<b>12 - 13</b>
<b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>	<b>14 - 41</b>

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Viễn thông MobiFone (sau đây gọi tắt là “Tổng công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Tổng công ty và các công ty con.

**Khái quát về Tổng công ty**

Tổng công ty Viễn thông MobiFone tiền thân là Công ty Thông tin Di động, là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 321/QĐ-TCCB-LĐ ngày 16 tháng 4 năm 1993 của Tổng cục Bưu điện, nay là Bộ Thông tin và Truyền thông.

Theo Quyết định số 1798/QĐ-BTTTT do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành ngày 01 tháng 12 năm 2014, Bộ Thông tin và Truyền thông đã phê duyệt việc thành lập Tổng công ty Viễn thông MobiFone trên cơ sở tổ chức lại Công ty Thông tin Di động. Sau đó, Tổng công ty cũng đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0100686209 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 15 tháng 1 năm 2015. Tổng công ty cũng nhận được các Giấy chứng nhận điều chỉnh sau đó, với lần gần nhất là lần thứ 10 được cấp ngày 10 tháng 3 năm 2021 về việc thay đổi thông tin về chủ sở hữu và người đại diện theo pháp luật.

Theo Nghị định số 131/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ, đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại Tổng công ty được chuyển giao từ Bộ Thông tin và Truyền thông sang Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại Doanh nghiệp.

**Trụ sở chính**

- Địa chỉ : Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : (+84-24) 37831800
- Fax : (+84-24) 37831734

**Các đơn vị thành viên trực thuộc hạch toán phụ thuộc**

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Văn phòng Tổng công ty	Thành phố Hà Nội
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 1	Thành phố Hà Nội
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 2	Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 3	Thành phố Đà Nẵng
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 4	Thành phố Việt Trì
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 5	Thành phố Hải Phòng
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 6	Thành phố Vinh
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 7	Thành phố Nha Trang
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 8	Thành phố Biên Hòa
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 9	Thành phố Cần Thơ
Trung tâm Viễn thông Quốc Tế MobiFone	Thành phố Hà Nội
Trung tâm Dịch vụ số MobiFone	Thành phố Hà Nội
Trung tâm Công nghệ thông tin MobiFone	Thành phố Hà Nội
Trung tâm Mạng lưới MobiFone miền Bắc	Thành phố Hà Nội
Trung tâm Mạng lưới MobiFone miền Trung	Thành phố Đà Nẵng
Trung tâm Mạng lưới MobiFone miền Nam	Thành phố Hồ Chí Minh
Trung tâm Quản lý điều hành mạng	Thành phố Hà Nội
Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển MobiFone	Thành phố Hà Nội
Trung tâm Đo kiểm và Sửa chữa thiết bị viễn thông MobiFone	Thành phố Hà Nội
Trung tâm Tính cước và Thanh khoản MobiFone	Thành phố Hà Nội

**TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Tên đơn vị	Địa chỉ
Trung tâm Tư vấn- Thiết kế MobiFone	Thành phố Hà Nội
Ban Quản lý Dự án hạ tầng 1	Thành phố Hà Nội
Ban Quản lý Dự án hạ tầng 2	Thành phố Hồ Chí Minh
Ban Quản lý Dự án hạ tầng 3	Thành phố Đà Nẵng
Ban Quản lý Dự án Kiến trúc 1	Thành phố Hà Nội
Ban Quản lý Dự án Kiến trúc 2	Thành phố Hồ Chí Minh
Ban Quản lý Dự án MobiFone	Thành phố Hà Nội

**Hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo đăng ký là:**

- Đầu tư, xây dựng, vận hành, khai thác mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, phát thanh truyền hình, truyền thông đa phương tiện;
- Sản xuất, lắp ráp và xuất nhập khẩu, kinh doanh thiết bị điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin;
- Tư vấn, khảo sát, thiết kế, xây lắp chuyên ngành điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin;
- Bảo trì, sửa chữa thiết bị chuyên ngành điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin; và
- Các ngành nghề khác.

**Hội đồng thành viên và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc của Tổng công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng thành viên**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Mạnh Thắng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2017
Ông Nguyễn Đình Tuấn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2021
Ông Nguyễn Đình Chiến	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2021

**Ban điều hành, quản lý**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Tô Mạnh Cường	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 11 năm 2019
Ông Bùi Sơn Nam	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 10 năm 2020
Ông Vĩnh Tuấn Bảo	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2020
Ông Thiềm Công Nguyên	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2020
Ông Phan Tuấn Anh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 02 năm 2021

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Mạnh Thắng - Chủ tịch (đến ngày 09 tháng 3 năm 2021) và Ông Tô Mạnh Cường – Tổng Giám đốc (từ ngày 10 tháng 3 năm 2021).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tổng công ty và các Công ty con.

**TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tổng công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



**Tô Mạnh Cường**

Ngày 30 tháng 7 năm 2021

Head Office : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam  
Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 kttv@a-c.com.vn  
Branch in Hà Nội : 40 Giảng Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam  
Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn  
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam  
Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 kttv.nt@a-c.com.vn  
Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam  
Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 1.1254/21/TC-AC

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng công ty Viễn thông MobiFone (sau đây gọi tắt là “Tổng công ty”) và các công ty con, được lập ngày 30 tháng 7 năm 2021, từ trang 07 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty Viễn thông MobiFone và các Công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phù nhận kết luận nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số IV.18 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong đó mô tả việc thay đổi chính sách kế toán ghi nhận doanh thu từ kinh doanh thẻ dịch vụ viễn thông di động trả trước từ ngày 01 tháng 01 năm 2021. Cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tổng Công ty chưa nhận được ý kiến phản hồi cũng như hướng dẫn cụ thể của Bộ Tài chính liên quan đến việc ghi nhận các ảnh hưởng do thay đổi chính sách kế toán. Do đó, doanh thu dịch vụ viễn thông trả trước đã ghi nhận từ năm 2020 trở về trước nhưng đến thời điểm 24h00 ngày 31 tháng 12 năm 2020 khách hàng chưa sử dụng, tạm thời chưa được ghi nhận giảm vào doanh thu kỳ 6 tháng đầu năm 2021. Tổng Công ty sẽ ghi nhận khoản giảm doanh thu này trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ngoài ra, chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số IV.17 và IV.21 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, các điều chỉnh loại trừ ảnh hưởng khách quan do dịch bệnh Covid-19 tác động đến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 của Tổng Công ty vẫn đang chờ Ủy ban Quản lý vốn Nhà Nước tại doanh nghiệp phê duyệt.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng công ty và các công ty con 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 chưa được soát xét.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**



**Võ Hùng Tiến - Tổng Giám đốc**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0083-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2021



# TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>13.039.550.577.479</b>	<b>14.917.086.008.390</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>867.989.090.846</b>	<b>922.716.926.623</b>
1. Tiền	111		236.127.897.629	241.076.576.253
2. Các khoản tương đương tiền	112		631.861.193.217	681.640.350.370
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>9.220.063.594.712</b>	<b>11.328.357.953.811</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	9.220.063.594.712	11.328.357.953.811
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.925.335.043.138</b>	<b>1.704.728.828.125</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.535.460.234.819	1.678.972.396.883
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	474.240.410.362	169.232.265.986
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	564.865.600.918	507.612.450.277
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(649.366.575.295)	(651.223.657.355)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		135.372.334	135.372.334
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>188.528.916.373</b>	<b>114.348.775.143</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	196.842.905.014	122.942.608.882
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(8.313.988.641)	(8.593.833.739)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>837.633.932.410</b>	<b>846.933.524.688</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	489.882.702.972	424.652.260.191
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.10	337.862.574.018	415.549.431.313
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	9.888.655.420	6.731.833.184
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE**

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>14.005.457.956.568</b>	<b>17.235.854.642.819</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>15.014.546.905</b>	<b>13.786.706.636</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	15.014.546.905	13.786.706.636
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>13.579.474.461.261</b>	<b>14.622.655.468.245</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	12.553.770.443.407	13.610.619.836.327
<i>Nguyên giá</i>	222		58.200.508.977.011	57.457.636.280.908
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(45.646.738.533.604)	(43.847.016.444.581)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.025.704.017.854	1.012.035.631.918
<i>Nguyên giá</i>	228		2.686.136.640.969	2.602.073.483.729
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.660.432.623.115)	(1.590.037.851.811)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>69.281.099.016</b>	<b>204.094.356.230</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	69.281.099.016	204.094.356.230
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>100.066.591.963</b>	<b>2.045.066.591.963</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	66.591.963	66.591.963
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	100.000.000.000	2.045.000.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>241.621.257.423</b>	<b>350.251.519.745</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	241.448.032.155	350.095.640.770
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.13	173.225.268	155.878.975
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>27.045.008.534.047</b>	<b>32.152.940.651.209</b>

**TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE**

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>3.946.257.772.935</b>	<b>9.703.677.876.349</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.740.582.668.052</b>	<b>8.496.401.695.747</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	2.086.097.755.215	5.251.974.736.577
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		134.334.261.388	162.474.585.965
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	361.389.126.175	880.277.545.139
4. Phải trả người lao động	314		614.406.460.115	805.104.605.062
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	1.543.748.986.174	796.926.205.848
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		(2.448.617.291.696)	107.890.066.046
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	167.207.687.624	91.488.391.428
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	100.338.924.642	67.128.271.630
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	181.676.758.415	333.137.288.052
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.205.675.104.883</b>	<b>1.207.276.180.602</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		535.297.590	966.884.055
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15	77.565.755.961	81.283.552.782
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		122.750.910	123.042.795
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.18	1.127.451.300.422	1.124.902.700.970

## TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>23.098.750.761.112</b>	<b>22.449.262.774.860</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>23.098.750.761.112</b>	<b>22.449.262.774.860</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.000.000.000.000	15.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		35.203.499.235	35.203.499.235
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		10.366.552.937	10.733.285.540
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.553.416.075.546	7.053.193.718.550
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		269.729.917.074	108.726.464.224
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		101.419.006.114	108.726.464.224
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		168.310.910.960	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		230.034.716.320	241.405.807.311
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>27.045.008.534.047</b>	<b>32.152.940.651.209</b>

Lập, ngày 30 tháng 7 năm 2021

Người lập biểu

Tạ Thị Thu Vân

Kế toán trưởng

Phan Tuấn Anh

Tổng Giám đốc

Tô Mạnh Cường

# TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	15.652.118.000.659	12.491.768.284.619
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		72.727.272	26.818.156
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		15.652.045.273.387	12.491.741.466.463
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	11.992.243.193.274	9.561.452.008.318
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.659.802.080.113	2.930.289.458.145
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	341.441.184.040	514.832.469.937
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	11.246.978.495	50.804.745.417
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.113.851.747	14.158.181.607
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.518.850.674.889	1.480.505.761.894
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	392.161.443.547	239.327.101.585
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.078.984.167.222	1.674.484.319.186
12. Thu nhập khác	31	VI.7	3.536.871.180	4.523.417.342
13. Chi phí khác	32	VI.8	1.710.932.701	3.008.740.822
14. Lợi nhuận khác	40		1.825.938.479	1.514.676.520
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.080.810.105.701	1.675.998.995.706
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	415.885.652.711	334.192.941.027
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(17.346.293)	39.076.840
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>1.664.941.799.283</u>	<u>1.341.766.977.839</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>1.648.968.683.542</u>	<u>1.325.976.350.336</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>15.973.115.741</u>	<u>15.790.627.503</u>

Lập, ngày 30 tháng 7 năm 2021

Người lập biểu

Tạ Thị Thu Vân

Kế toán trưởng

Phan Tuấn Anh

Tổng Giám đốc



Tô Mạnh Cường

# TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.080.810.105.701	1.675.998.995.706
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9; V.10	2.374.049.128.243	2.316.947.796.313
- Các khoản dự phòng	03		(2.136.927.158)	(593.329.915)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.062.851.829)	(5.093.346.152)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(320.117.184.354)	(478.117.378.332)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	1.113.851.747	14.158.181.607
- Các khoản điều chỉnh khác	07	V.18	66.000.000.000	50.900.000.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4.198.656.122.350	3.574.200.919.227
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(50.409.652.310)	424.526.266.851
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(73.900.296.132)	63.520.964.319
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(3.416.473.993.974)	(1.413.987.476.933)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		43.417.165.834	(167.375.151.895)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.168.687.893)	(21.587.874.899)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(524.417.575.358)	(384.698.248.754)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(105.314.192.612)	(171.275.987.454)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>70.388.889.905</b>	<b>1.903.323.410.462</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(3.191.324.579.659)	(2.192.712.775.037)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1.215.171.603	(1.601.290.226)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.298.280.463.529)	(4.660.355.932.240)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.351.574.822.628	5.693.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		358.831.729.131	386.168.883.278
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>1.222.016.680.174</b>	<b>(775.001.114.225)</b>

# TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.16	1.594.444.115.201	1.175.037.135.080
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16	(1.561.233.462.189)	(1.564.223.844.109)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.380.314.639.312)	(876.145.459.510)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(1.347.103.986.300)</b>	<b>(1.265.332.168.539)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(54.698.416.221)</b>	<b>(137.009.872.302)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>922.716.926.623</b>	<b>1.308.606.791.930</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(29.419.556)	(84.456.108)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>867.989.090.846</b>	<b>1.171.512.463.520</b>

Người lập biểu

Tạ Thị Thu Vân

Kế toán trưởng

Phan Tuấn Anh

Lập, ngày 30 tháng 7 năm 2021

Tổng Giám đốc

Tô Mạnh Cường

## **TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE**

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

---

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ** **6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Tổng công ty Viễn thông MobiFone (sau đây gọi tắt là “Tổng công ty”) tiền thân là Công ty Thông tin Di động, là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 321/QĐ-TCCB-LĐ ngày 16 tháng 4 năm 1993 của Tổng cục Bưu điện, nay là Bộ Thông tin và Truyền thông.

Theo Quyết định số 1798/QĐ-BTTTT do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành ngày 01 tháng 12 năm 2014, Bộ Thông tin và Truyền thông đã phê duyệt việc thành lập Tổng công ty Viễn thông MobiFone trên cơ sở tổ chức lại Công ty Thông tin Di động. Sau đó, Tổng công ty cũng đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0100686209 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 15 tháng 1 năm 2015. Tổng công ty cũng nhận được các Giấy chứng nhận điều chỉnh sau đó, với lần gần nhất là lần thứ 10 được cấp ngày 10 tháng 3 năm 2021 về việc thay đổi thông tin về chủ sở hữu.

Theo Nghị định số 131/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ, đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại Tổng công ty được chuyển giao từ Bộ Thông tin và Truyền thông sang Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại Doanh nghiệp

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng công ty là: Đầu tư, xây dựng, vận hành, khai thác mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, truyền thông đa phương tiện.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty không quá 12 tháng.

#### **5. Cấu trúc Tổng công ty**

Tổng công ty bao gồm Công ty mẹ, 03 công ty con trực tiếp và 05 công ty con gián tiếp chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

## TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

#### 5a. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone <sup>(i)</sup>	Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Cung cấp các dịch vụ liên quan đến cuộc gọi bao gồm dịch vụ giải đáp, chăm sóc khách hàng qua điện thoại, dịch vụ cho thuê đài trạm phát sóng, dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng trên mạng di động và các hoạt động khác	31,26%	31,26%	31,26%
Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn Cầu <sup>(ii)</sup>	105, đường Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Cung cấp các dịch vụ liên quan đến viễn thông, bao gồm dịch vụ truyền thông đa phương tiện, nội dung số, kinh doanh dịch vụ viễn thông, dịch vụ ứng dụng viễn thông, hoạt động viễn thông có dây và các hoạt động khác	69,42%	69,42%	69,42%
Công ty Cổ phần Dịch vụ gia tăng MobiFone	MM18 đường Trường Sơn, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp hoạt động viễn thông không dây và có dây; cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin, các dịch vụ liên quan đến máy tính; và một số dịch vụ khác và kinh doanh thiết bị đầu cuối	96,23%	96,23%	96,23%

(i) Mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty trong Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone ít hơn 50% nhưng Tổng công ty thực hiện quyền kiểm soát đối với Công ty con này qua việc có 3 đại diện trong tổng số 5 thành viên Hội đồng Quản trị trong Công ty con này kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2018. Do vậy Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone bị Tổng công ty kiểm soát và được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

(ii) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Tổng công ty gián tiếp kiểm soát các công ty con của Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn Cầu. Tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích của Tổng công ty trong các Công ty con gián tiếp này như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Hoạt động chính
Công ty MobiFone Global Singapore Pte Ltd	Singapore	51,00 %	35,40 %	Kinh doanh dịch vụ viễn thông, thẻ cào, dịch vụ thoại
Công ty VNPT Global Hong Kong	Hồng Kông	60,00 %	41,65 %	Kinh doanh dịch vụ viễn thông và dịch vụ IP khác
Công ty MobiFone Global USA	Mỹ	100,00 %	69,42 %	Kinh doanh dịch vụ viễn thông và dịch vụ cung cấp nội dung, cung cấp giải pháp công nghệ cao trong nước và quốc tế



## TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Viễn thông và Giải pháp Công nghệ Việt Nam	Hà Nội	60,00 % <sup>(*)</sup>	27,77 %	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin, bán buôn thiết bị linh kiện điện tử viễn thông
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ MobiFone Toàn Cầu	Hà Nội	100,00 %	69,42 %	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin, dịch vụ thông tin qua điện thoại

(\*) Mặc dù Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn Cầu không sở hữu trên 50% vốn góp tại Công ty Cổ phần Viễn thông và Giải pháp công nghệ Việt Nam nhưng Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn Cầu nhận được ủy quyền thay mặt các cổ đông không kiểm soát nắm giữ 20% vốn góp thực hiện toàn bộ các quyền biểu quyết của cổ đông thiểu số theo giấy ủy quyền có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2019. Theo đó, Công ty Cổ phần Viễn thông và Giải pháp công nghệ Việt Nam vẫn thuộc sự kiểm soát của Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn Cầu và được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

#### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng công ty và các Công ty con có 10.810 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 8.650 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

## **TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE**

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

#### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

##### **2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Tổng công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tổng công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

## TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### 3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Tổng công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Tổng công ty thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con lập bằng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty mẹ như sau:

- Tài sản và lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá mua của ngân hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Nợ phải trả được quy đổi theo tỷ giá bán ngân hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Giá trị tài sản thuần của công ty con do Công ty mẹ nắm giữ tại ngày mua được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ tại ngày mua.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày mua công ty con được quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục doanh thu, chi phí của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Lợi nhuận đã trả được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả lợi nhuận.
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Nếu tỷ giá bình quân kỳ báo cáo xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không quá 2%) thì áp dụng tỷ giá bình quân. Nếu biên độ giao động của tỷ giá giữa thời điểm đầu năm và cuối kỳ trên 2% thì áp dụng theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con được phản ánh lũy kế trong phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc:

## TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho Công ty mẹ được trình bày tại khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.
- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho cổ đông không kiểm soát được trình bày tại khoản mục “Lợi ích cổ đông không kiểm soát”.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh liên quan đến việc quy đổi khoản lợi thế thương mại chưa phân bổ hết tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính toàn bộ cho Công ty mẹ và được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

#### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 5. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh

## TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tổng công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### 6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tổng công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Tổng công ty đang trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo tỷ lệ trích lập được hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 (“Thông tư 48”).

### 7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng công ty chủ yếu là chi

## TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

phí thuê nhà trạm, cửa hàng, văn phòng; phí tần số, phí thuê kênh; công cụ dụng cụ đã xuất dùng và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này

#### 9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### 10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 -25
Máy móc và thiết bị	3-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5-8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5
Tài sản cố định khác	5-10

#### 11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tổng công ty bao gồm:

##### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 30-50 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

## TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

#### *Chương trình phần mềm máy tính*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3-5 năm.

#### *Bản quyền, bằng sáng chế*

Nguyên giá của bản quyền tác giả, bằng sáng chế mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Bản quyền tác giả, bằng sáng chế được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3-5 năm.

#### **12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### **13. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tổng công ty phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tổng công ty không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tổng công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tổng công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong kỳ là số tổn thất phát sinh.

## **TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE**

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

### **14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### **15. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng công ty theo hướng dẫn tại Nghị định 95/2014/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 17 tháng 10 năm 2014 và Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKH-CN-BTC do Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2016. Số tiền trích quỹ hàng năm được Hội đồng Thành viên của Tổng công ty phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và được trích lập từ 3% đến 10% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Số tiền trích quỹ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Số tiền trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ được chấp nhận là chi phí được khấu trừ cho mục đích xác định thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong thời hạn 5 năm, kể từ năm kế tiếp năm trích lập, nếu Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích, Tổng công ty sẽ phải nộp về Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia hoặc Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Bộ Thông tin và Truyền thông tối thiểu 20% số quỹ đã trích lập mà không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70%. Ngoài ra, Tổng công ty cũng sẽ phải nộp Ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập Quỹ mà không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.

### **16. Vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu của Tổng công ty.



## **TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE**

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

#### ***Vốn khác của chủ sở hữu***

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

#### **17. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được nộp về Ngân sách Nhà nước sau khi Tổng công ty trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### ***Quỹ đầu tư và phát triển***

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng công ty.

#### ***Quỹ khen thưởng, phúc lợi***

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Khi đánh giá xếp loại doanh nghiệp năm 2020 theo các quy định tại Nghị định 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 và Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 để phân phối Quỹ khen thưởng, phúc lợi thì Doanh nghiệp được loại trừ yếu tố khách quan ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh. Theo đó, Tổng công ty đã điều chỉnh loại trừ các ảnh hưởng khách quan do dịch bệnh Covid-19 tác động đến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020, số chi phí hợp lý được Tổng công ty xác định để loại trừ là 1.690 tỷ VND. Số liệu loại trừ này đang chờ Ủy ban Quản lý vốn Nhà Nước tại doanh nghiệp phê duyệt.

#### **18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu bán hàng hóa***

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tổng công ty đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tổng công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### ***Doanh thu từ dịch vụ viễn thông trả sau***

Doanh thu từ dịch vụ trả sau bao gồm cước thuê bao thu hàng tháng, doanh thu cước các dịch vụ cơ bản và dịch vụ giá trị gia tăng. Doanh thu từ cước thuê bao hàng tháng và cước các dịch vụ cơ bản, dịch vụ giá trị gia tăng được ghi nhận khi dịch vụ đã cung cấp tới khách hàng. Doanh thu về cước hòa mạng được ghi nhận khi khách hàng đã hòa mạng và có thể sử dụng được các dịch vụ.

## **TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE**

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

#### ***Doanh thu từ kinh doanh thẻ dịch vụ viễn thông di động trả trước***

*Từ ngày 31 tháng 12 năm 2020 trở về trước*

Doanh thu từ dịch vụ trả trước được ghi nhận dựa trên số tiền thu được khi thẻ viễn thông trả trước được bán cho người mua, không phụ thuộc vào giá trị của lưu lượng sử dụng thực tế của khách hàng và Tổng công ty có cam kết với khách hàng về việc cung cấp dịch vụ viễn thông theo Công văn số 18494/BTC-CĐKT hướng dẫn hạch toán doanh thu bán thẻ trả trước của doanh nghiệp viễn thông do Bộ Tài chính ban hành ngày 11 tháng 12 năm 2015.

*Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021*

Doanh thu từ dịch vụ trả trước được ghi nhận dựa trên cơ sở dung lượng thực tế mà khách hàng đã sử dụng trong kỳ, khoản tiền thu bán thẻ nhưng khách hàng chưa sử dụng dịch vụ sẽ không được phản ánh vào doanh thu trong kỳ theo hướng dẫn tại Công văn số 7370/BTC-QLKT ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Bộ Tài chính về ghi nhận doanh thu dịch vụ viễn thông.

#### ***Ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán đối với doanh thu kinh doanh thẻ dịch vụ viễn thông di động trả trước***

Tổng công ty đã có Công văn số 6800/MOBIFONE-KHCL-KT ngày 30 tháng 12 năm 2020 gửi Bộ Tài chính để báo cáo phương án ghi nhận giảm vào doanh thu năm 2021 đối với các khoản doanh thu từ dịch vụ viễn thông trả trước đã ghi nhận từ năm 2020 trở về trước nhưng đến thời điểm 24h00 ngày 31 tháng 12 năm 2020 khách hàng chưa sử dụng.

Cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tổng công ty chưa nhận được ý kiến phản hồi cũng như hướng dẫn cụ thể của Bộ Tài chính. Do đó, doanh thu dịch vụ viễn thông trả trước đã ghi nhận từ năm 2020 trở về trước nhưng đến thời điểm 24h00 ngày 31 tháng 12 năm 2020 khách hàng chưa sử dụng, tạm thời chưa được ghi nhận giảm vào doanh thu kỳ 6 tháng đầu năm 2021. Tổng công ty sẽ ghi nhận khoản giảm doanh thu này trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

#### ***Doanh thu từ cước kết nối và chuyển vùng quốc tế***

Doanh thu từ cước kết nối và chuyển vùng quốc tế được ghi nhận khi có phát sinh dịch vụ kết nối và chuyển vùng quốc tế dựa vào biên bản đối soát hàng tháng giữa Tổng công ty và các đối tác, hoặc theo dữ liệu cước kết nối ước tính của Tổng công ty trong trường hợp việc đối soát chưa hoàn thành. Doanh thu này được ghi nhận bằng số cước mà Tổng công ty được hưởng từ việc cung cấp dịch vụ kết nối và chuyển vùng quốc tế trong tháng.

#### ***Doanh thu từ dịch vụ thanh toán trực tuyến***

Doanh thu từ dịch vụ thanh toán trực tuyến được ghi nhận căn cứ vào toàn bộ số tiền thực tế thu được khi khách hàng dùng thẻ trả trước do Tổng công ty phát hành để nạp tiền vào tài khoản thanh toán trực tuyến được mở tại các đơn vị cung cấp dịch vụ này. Phần phí dịch vụ phải trả cho các đối tác cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến được ghi nhận là giá vốn cung cấp dịch vụ và bán hàng tương ứng. Tổng công ty thực hiện việc ghi nhận doanh thu và giá vốn cho dịch vụ này dựa trên hướng dẫn tại Văn bản số 30912/CT-HTr ban hành bởi Cục thuế thành phố Hà Nội ngày 09 tháng 12 năm 2011.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### ***Tiền bản quyền***

Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng chuyển giao bản quyền.

## **TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE**

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### **19. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ sau.

### **20. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### **21. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### ***Chi phí lương***

Chi phí lương được trích và ghi nhận theo hướng dẫn tại Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ

## TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

100% vốn điều lệ, Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTXH và Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

Khi đánh giá năng suất lao động và lợi nhuận của MobiFone khi xác định Quỹ tiền lương năm 2020 theo quy định tại Nghị định 51/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 và Nghị định 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 thì Doanh nghiệp được loại trừ yếu tố khách quan ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh. Theo đó, Tổng công ty đã điều chỉnh loại trừ các ảnh hưởng khách quan do dịch bệnh Covid-19 tác động đến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020, số chi phí hợp lý được Tổng công ty xác định để loại trừ là 1.690 tỷ VND. Số liệu loại trừ này đang chờ Ủy ban Quản lý vốn Nhà Nước tại doanh nghiệp phê duyệt.

#### 22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tổng công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tổng công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

## TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

#### 23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	6.145.043.170	4.918.430.575
Tiền gửi ngân hàng	226.906.468.883	235.749.173.294
Tiền đang chuyển	3.076.385.576	408.972.384
Các khoản tương đương tiền ( <i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i> )	631.861.193.217	681.640.350.370
<b>Cộng</b>	<b><u>867.989.090.846</u></b>	<b><u>922.716.926.623</u></b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

#### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng thương mại, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn	9.220.063.594.712	11.328.357.953.811
Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn	100.000.000.000	2.045.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>9.320.063.594.712</u></b>	<b><u>13.373.357.953.811</u></b>

#### 2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Là khoản đầu tư vào Ngân hàng TMCP Đông Nam Á.

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu từ khách hàng dùng dịch vụ trả sau	1.043.042.814.379	1.175.551.368.873
Phải thu về các dịch vụ viễn thông và CNTT khác	492.417.420.440	503.421.028.010
<b>Cộng</b>	<b><u>1.535.460.234.819</u></b>	<b><u>1.678.972.396.883</u></b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(649.366.575.295)	(651.223.657.355)

## TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Phát triển công nghệ Viễn thông tin học Sun Việt	43.900.897.992	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông	1.449.995.200	2.280.295.200
Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện	78.951.549.496	417.360.054
Huawei Technologies Co., Ltd	73.876.863.047	858.249.461
Các khoản trả trước cho nhà cung cấp khác	276.061.104.627	165.676.361.271
<b>Cộng</b>	<b><u>474.240.410.362</u></b>	<b><u>169.232.265.986</u></b>

### 5. Phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Ngắn hạn</b>		
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	403.310.140.495	444.821.062.355
Phải thu người lao động	15.305.961.119	10.055.812.852
Ký cược, ký quỹ	4.608.476.841	6.323.571.214
Doanh thu dịch vụ tạm tính	6.390.740.357	191.320.367
Phải thu ngắn hạn khác	135.250.282.106	46.220.683.489
<b>Cộng</b>	<b><u>564.865.600.918</u></b>	<b><u>507.612.450.277</u></b>
<b>Dài hạn</b>		
Ký quỹ, ký cược dài hạn	15.014.546.905	13.786.706.636
<b>Cộng</b>	<b><u>15.014.546.905</u></b>	<b><u>13.786.706.636</u></b>

### 6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	70.623.410.022	(512.587.367)	64.555.417.437	(512.587.367)
Công cụ, dụng cụ	4.142.036.643	-	1.490.445.843	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	17.953.061.567	-	5.711.801.200	-
Thành phẩm	5.508.600.000			
Hàng hóa	96.256.210.119	(7.796.905.712)	49.259.537.609	(8.076.750.810)
Hàng gửi đi bán	2.359.586.663	(4.495.562)	1.925.406.793	(4.495.562)
<b>Cộng</b>	<b><u>196.842.905.014</u></b>	<b><u>(8.313.988.641)</u></b>	<b><u>122.942.608.882</u></b>	<b><u>(8.593.833.739)</u></b>

## TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

#### 7. Chi phí trả trước

##### 7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê nhà trạm, văn phòng cửa hàng	411.588.086.458	221.024.997.796
Phí tần số, thuê kênh	19.921.933.502	86.522.574.124
Cải tạo nhà trạm, văn phòng cửa hàng	8.803.984.030	30.494.066.103
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.473.407.993	37.537.147.392
Chi phí sửa chữa TSCĐ	516.760.962	15.603.909.201
Chi phí hỗ trợ kỹ thuật	-	3.862.397.987
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	46.578.530.027	29.607.167.588
<b>Cộng</b>	<b><u>489.882.702.972</u></b>	<b><u>424.652.260.191</u></b>

##### 7b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí hỗ trợ kỹ thuật	32.289.832.463	50.245.627.404
Cải tạo nhà trạm, văn phòng cửa hàng	49.546.557.395	71.110.127.472
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	55.447.632.905	84.011.474.807
Chi phí thuê nhà trạm, văn phòng cửa hàng	6.942.765.346	29.992.500
Phí tần số, thuê kênh	-	985.265.981
Chi phí sửa chữa TSCĐ	17.239.638.778	45.479.477.091
Các khoản khác	79.981.605.268	98.233.675.515
<b>Cộng</b>	<b><u>241.448.032.155</u></b>	<b><u>350.095.640.770</u></b>

## TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá	5.804.940.937.777	46.774.651.262.736	4.570.769.647.583	273.376.377.624	33.898.055.188	57.457.636.280.908
Số đầu năm	98.602.170.156	434.026.116.797	73.565.928.491	11.424.985.594	-	613.739.350.038
Mua trong kỳ	87.238.709.673	131.457.616.587	43.911.067.902	-	-	266.487.245.162
Đầu tư XDCB hoàn thành	3.958.158.254	327.968.781.329	27.244.041.476	-	-	359.170.981.059
Nâng cấp trong kỳ	904.148.752	5.897.390.549	422.621.830	48.816.957	-	7.272.978.088
Điều chỉnh theo quyết định phê duyệt quyết toán	(57.401.536.580)	(906.254.007)	58.307.790.587	-	-	-
Phân loại lại	-	(492.192.478.507)	-	(1.338.594.087)	-	(493.531.072.594)
Thanh lý, nhượng bán	(1.459.803.997)	(11.730.057.043)	(1.683.477)	2.924.758.867	-	(10.266.785.650)
Tặng/Giảm khác	5.936.782.784.035	47.169.172.378.441	4.774.219.414.392	286.436.344.955	33.898.055.188	58.200.508.977.011
Số cuối kỳ	3.613.114.460.693	36.727.462.529.658	3.252.759.618.217	221.007.528.875	32.672.307.138	43.847.016.444.581
Giá trị hao mòn	257.472.648.454	1.756.918.620.245	276.415.545.278	13.333.346.998	71.537.246	2.304.211.698.221
Số đầu năm	-	(492.192.478.507)	-	(1.338.594.087)	-	(493.531.072.594)
Khấu hao trong kỳ	(751.570.163)	751.570.163	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(280.798.616)	(11.464.394.330)	(1.300.265)	787.956.607	-	(10.958.536.604)
Phân loại lại	3.869.554.740.368	37.981.475.847.229	3.529.173.863.230	233.790.238.393	32.743.844.384	45.646.738.533.604
Giảm khác	2.191.826.477.084	10.047.188.733.078	1.318.010.029.366	52.368.848.749	1.225.748.050	13.610.619.836.327
Số cuối kỳ	2.067.228.043.667	9.187.696.531.212	1.245.045.551.162	52.646.106.562	1.154.210.804	12.553.770.443.407

### Giá trị còn lại

Số đầu năm	2.191.826.477.084	10.047.188.733.078	1.318.010.029.366	52.368.848.749	1.225.748.050	13.610.619.836.327
Số cuối kỳ	2.067.228.043.667	9.187.696.531.212	1.245.045.551.162	52.646.106.562	1.154.210.804	12.553.770.443.407





**TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE**

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

**9. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Chương trình phần mềm	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá	718.963.924.752	635.255.972.308	1.245.892.328.669	1.961.258.000	2.602.073.483.729
Số đầu năm	-	22.995.421.140	46.366.119.722	-	69.361.540.862
Mua trong kỳ	-	4.747.584.394	5.349.000.000	-	10.096.584.394
Nâng cấp trong kỳ	-	(2.371.523.317)	157.694.457	-	(2.213.828.860)
Điều chỉnh theo quyết định phê duyệt quyết toán	-	-	6.818.860.844	-	6.818.860.844
Tăng khác	-	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>718.963.924.752</b>	<b>660.627.454.525</b>	<b>1.304.584.003.692</b>	<b>1.961.258.000</b>	<b>2.686.136.640.969</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	48.287.457.343	515.899.849.037	1.024.027.589.304	1.822.956.127	1.590.037.851.811
Khấu hao trong kỳ	2.652.479.292	25.732.217.307	41.445.609.234	7.204.162	69.837.509.995
Tăng khác	-	-	557.261.309	-	557.261.309
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>50.939.936.635</b>	<b>541.632.066.344</b>	<b>1.066.030.459.847</b>	<b>1.830.160.289</b>	<b>1.660.432.623.115</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	670.676.467.409	119.356.123.271	221.864.739.365	138.301.873	1.012.035.631.918
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>668.023.988.117</b>	<b>118.995.388.181</b>	<b>238.553.543.845</b>	<b>131.097.711</b>	<b>1.025.704.017.854</b>

## TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

#### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Mua sắm tài sản cố định	20.692.768.038	143.011.771.181
Xây dựng cơ bản dở dang	48.588.330.978	61.082.585.049
<b>Cộng</b>	<b><u>69.281.099.016</u></b>	<b><u>204.094.356.230</u></b>

#### 11. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nokia Siemens OY	168.730.004.162	742.643.234.031
Ericsson AB	77.810.023.887	340.059.407.322
Công ty Cổ phần Công nghệ Công nghiệp Bưu chính Viễn thông	64.074.207.644	430.243.217.602
Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện	5.180.605.874	167.697.210.795
Huawei Technologies Company Limited	-	436.689.988.080
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thống DTS	137.990.992.093	126.051.322.295
Công ty TNHH Thiết bị Viễn thông ANSV	14.068.789.985	22.571.615.398
Công ty Cổ phần Xây dựng và Lắp đặt Viễn thông	-	52.177.383.875
Các nhà cung cấp khác	1.618.243.131.570	2.933.841.357.179
<b>Cộng</b>	<b><u>2.086.097.755.215</u></b>	<b><u>5.251.974.736.577</u></b>

## TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.884.087.794	56.030.852.226	255.587.708.541	(287.969.430.193)	3.884.087.794	23.649.130.574
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	96.348.141	66.399.241.568	(66.399.241.568)	-	96.348.141
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	3.170.091.507	(3.170.091.507)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	230.391.260	152.698.406.277	430.100.919.543	(524.417.575.358)	73.417.938	58.224.777.140
Thuế thu nhập cá nhân	2.600.241.130	12.290.669.637	51.889.966.959	(63.697.730.246)	5.914.036.688	3.796.701.908
Phải nộp Ngân sách Nhà nước <sup>(1)</sup>	-	616.937.341.879	1.012.698.955.454	(1.378.437.257.832)	-	251.199.039.501
Các loại thuế khác	17.113.000	42.223.926.979	106.915.633.249	(124.716.431.317)	17.113.000	24.423.128.911
<b>Cộng</b>	<b>6.731.833.184</b>	<b>880.277.545.139</b>	<b>1.926.762.516.821</b>	<b>(2.448.807.758.021)</b>	<b>9.888.655.420</b>	<b>361.389.126.175</b>

<sup>(1)</sup> Đây là phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ phải nộp Ngân sách Nhà nước theo hướng dẫn tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 13 tháng 10 năm 2015 về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

## TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

#### 13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuê nhà trạm, cửa hàng	628.447.217.761	299.133.806.520
Chi phí phải trả các đối tác	327.836.960.515	269.176.285.095
Chi phí thuê kênh, tần số	394.417.498.390	82.187.279.666
Chi phí điện nước	53.785.462.602	33.004.210.322
Vật liệu, nhiên liệu	7.032.790.685	5.373.064.907
Cải tạo nhà trạm	1.134.554.922	527.080.595
Lãi vay	4.413.053	15.931.175
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng TSCĐ thuê ngoài	6.333.751.233	12.161.423.784
Chi phí dụng cụ	3.184.796.474	589.773.555
Các khoản trích trước khác	121.571.540.539	94.757.350.229
<b>Cộng</b>	<b><u>1.543.748.986.174</u></b>	<b><u>796.926.205.848</u></b>

#### 14. Phải trả khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Ngắn hạn</i>		
Quỹ Viễn thông công ích, phí thương quyền <sup>(i)</sup>	20.515.463.372	38.593.200.802
Nhận ký quỹ, ký cược	11.236.748.363	10.376.427.047
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	5.426.123.809	5.376.381.091
Kinh phí công đoàn	6.905.401.429	4.895.100.069
Phải trả về cổ tức	20.700.622.650	1.880.779.650
Các khoản phải trả, phải nộp khác	102.423.328.001	30.366.502.769
<b>Cộng</b>	<b><u>167.207.687.624</u></b>	<b><u>91.488.391.428</u></b>
<i>Dài hạn</i>		
Ký quỹ, ký cược dài hạn	77.565.755.961	81.283.552.782
<b>Cộng</b>	<b><u>77.565.755.961</u></b>	<b><u>81.283.552.782</u></b>

(i) Tổng công ty dùng trích quỹ Viễn thông công ích theo Văn bản số 2771/QĐ-BTTTT ngày 31/12/2020 về việc tạm dừng thu đóng góp vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam kể từ năm 2020.

Tổng công ty trích Phí thương quyền theo tỷ lệ 0,5% trên doanh thu viễn thông theo quy định tại Thông tư số 273/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông và Thông tư số 03/2018/TT-BTC ngày 12/01/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 273/2016/TT-BTC.

## TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 15. Vay ngắn hạn

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay thấu chi	11.589.870.667	1.551.356.649.040	(1.493.474.416.646)	69.472.103.061
Vay ngắn hạn các ngân hàng	55.538.400.963	39.817.266.161	(64.488.845.543)	30.866.821.581
<b>Cộng</b>	<b>67.128.271.630</b>	<b>1.591.173.915.201</b>	<b>(1.557.963.262.189)</b>	<b>100.338.924.642</b>

Tổng công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

### 16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng/giảm khác	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	262.274.926.776	10.919.105.131	(323.700.000)	(129.550.033.478)	143.320.298.428
Quỹ phúc lợi	67.910.122.590	-	-	(32.801.400.232)	35.108.722.359
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	2.952.238.686	-	300.339.927	(4.840.985)	3.247.737.628
<b>Cộng</b>	<b>333.137.288.052</b>	<b>10.919.105.131</b>	<b>(23.360.073)</b>	<b>(162.356.274.695)</b>	<b>181.676.758.415</b>

### 17. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành tài sản cố định	Cộng
Số đầu năm	1.123.655.617.704	1.247.083.266	1.124.902.700.970
Hình thành TSCĐ trong kỳ	(21.092.000.000)	21.092.000.000	-
Trích lập trong kỳ	66.000.000.000	-	66.000.000.000
Giảm trong kỳ	(62.164.638.493)	-	(62.164.638.493)
Khấu hao trong kỳ	-	(1.286.762.055)	(1.286.762.055)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.106.398.979.211</b>	<b>21.052.321.211</b>	<b>1.127.451.300.422</b>

**TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE**

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****18. Vốn chủ sở hữu****18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
<b>Kỳ trước</b>							
Số dư đầu năm	15.000.000.000.000	35.203.499.235	10.972.595.507	5.928.045.074.870	109.943.838.738	235.997.095.673	21.320.162.104.023
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	1.325.976.350.336	15.790.627.503	1.341.766.977.839
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	394.780.528.683	(394.780.528.683)	-	-
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(11.363.719.467)	-	(11.363.719.467)
Lợi nhuận phải nộp về Ngân sách Nhà nước	-	-	-	-	(766.682.404.947)	-	(766.682.404.947)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(880.066.667)	(48.600.000)	(928.666.667)
Chia cổ tức tại các công ty con	-	-	-	-	-	(20.514.958.816)	(20.514.958.816)
Giảm khác	-	-	338.132.281	-	6.199.740.260	(6.793.815.117)	(255.942.576)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>15.000.000.000.000</b>	<b>35.203.499.235</b>	<b>11.310.727.788</b>	<b>6.322.825.603.553</b>	<b>268.413.209.570</b>	<b>224.430.349.243</b>	<b>21.862.183.389.389</b>
<b>Kỳ này</b>							
Số dư đầu năm	15.000.000.000.000	35.203.499.235	10.733.285.540	7.053.193.718.550	108.726.464.224	241.405.807.311	22.449.262.774.860
Lợi nhuận điều chỉnh tăng theo kết luận KTNN	-	-	-	-	30.334.329.503	-	30.334.329.503
Trích Quỹ đầu tư phát triển theo kết luận KTNN	-	-	-	9.100.298.851	(9.100.298.851)	-	-
Lợi nhuận phải nộp về Ngân sách Nhà nước theo kết luận KTNN	-	-	-	-	(21.234.030.652)	-	(21.234.030.652)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	1.648.968.683.542	15.973.115.740	1.664.941.799.282
Trích Quỹ đầu tư phát triển tại Công ty mẹ <sup>(i)</sup>	-	-	-	489.197.331.775	(489.197.331.775)	-	-
Trích Quỹ đầu tư phát triển tại Công ty con	-	-	-	1.924.726.370	(1.924.726.370)	-	-
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi <sup>(ii)</sup>	-	-	-	-	(5.230.552.267)	(5.688.552.864)	(10.919.105.131)
Lợi nhuận phải nộp về Ngân sách Nhà nước <sup>(ii)</sup>	-	-	-	-	(991.460.440.807)	-	(991.460.440.807)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(629.168.537)	(525.442.450)	(1.154.610.987)
Chia cổ tức tại các công ty con	-	-	-	-	-	(20.697.224.480)	(20.697.224.480)
Giảm khác	-	-	(366.732.603)	-	476.989.064	(432.986.937)	(322.730.476)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>15.000.000.000.000</b>	<b>35.203.499.235</b>	<b>10.366.552.937</b>	<b>7.553.416.075.546</b>	<b>269.729.917.074</b>	<b>230.034.716.320</b>	<b>23.098.750.761.112</b>



## TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Tổng công ty đã tạm trích quỹ đầu tư phát triển theo Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 (“Nghị định 91”) về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp (“Nghị định 91”)
- (ii) Đây là lợi nhuận sau thuế năm 2021 đã trích lập phải nộp Ngân sách Nhà nước theo Nghị định 91. Số nộp chính thức sẽ được kết chuyển khi có văn bản phê duyệt phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 của chủ sở hữu.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>15.652.118.000.659</b>	<b>12.491.768.284.619</b>
Doanh thu bán hàng	3.027.682.116.856	1.264.321.284.418
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.624.435.883.803	11.227.447.000.201
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(72.727.272)</b>	<b>(26.818.156)</b>
Chiết khấu thương mại	(72.727.272)	(14.545.456)
Hàng bán bị trả lại	-	(12.272.700)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>15.652.045.273.387</b>	<b>12.491.741.466.463</b>

### 2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.029.453.444.466	1.261.095.043.452
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.962.789.748.808	8.300.951.338.470
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(594.373.604)
<b>Cộng</b>	<b>11.992.243.193.274</b>	<b>9.561.452.008.318</b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	319.854.745.660	477.386.844.369
Chênh lệch tỷ giá	21.586.438.380	37.445.625.568
<b>Cộng</b>	<b>341.441.184.040</b>	<b>514.832.469.937</b>

## TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	1.113.851.747	14.158.181.607
Lỗ chênh lệch tỷ giá	8.962.261.350	36.007.604.511
Chiết khấu thanh toán, lãi hàng bán trả chậm	726.413.109	271.193.464
Chi phí tài chính khác	444.452.289	367.765.835
<b>Cộng</b>	<b>11.246.978.495</b>	<b>50.804.745.417</b>

### 5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	243.731.129.309	193.617.613.342
Chi phí vật liệu, bao bì	91.794.517.202	21.507.602
Chi phí dịch vụ mua ngoài	796.112.743.504	928.464.961.159
Chi phí bán hàng khác	387.212.284.874	358.401.679.791
<b>Cộng</b>	<b>1.518.850.674.889</b>	<b>1.480.505.761.894</b>

### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	69.545.804.955	46.183.982.267
Chi phí dụng cụ đồ dùng	4.335.454.657	1.843.709.033
Chi phí khấu hao TSCĐ	23.218.510.044	20.906.452.608
Quỹ Khoa học công nghệ	66.000.000.000	50.900.000.000
Phí thương quyền	45.537.993.486	43.171.310.466
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.559.251.114	56.215.617.047
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	124.964.429.291	20.106.030.164
<b>Cộng</b>	<b>392.161.443.547</b>	<b>239.327.101.585</b>

### 7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.101.595.545	-
Thu cước đã xóa nợ	227.898.573	334.002.722
Thu nhập khác	2.207.377.062	4.189.414.620
<b>Cộng</b>	<b>3.536.871.180</b>	<b>4.523.417.342</b>

### 8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	(113.576.058)	2.396.880.385
Chi phí khác	1.824.508.759	611.860.437
<b>Cộng</b>	<b>1.710.932.701</b>	<b>3.008.740.822</b>



## TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 9. Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) của Tổng công ty và các công ty con là 20% thu nhập chịu thuế ngoại trừ các công ty con ở nước ngoài có thuế suất thuế TNDN như sau:

- Công ty MobiFone Global USA: 29,4% trên thu nhập chịu thuế.
- Công ty VNPT Global HongKong: 16,5% đối với thu nhập từ hoạt động phát sinh tại Trung Quốc, Hong Kong. Theo chính sách mới đối với doanh nghiệp có lợi nhuận dưới 2.000.000 HKD thì thuế suất áp dụng là 8,25%. Theo đó, thuế suất áp dụng cho năm 2021 của Công ty là 8.25%.
- Công ty Global Singapore Pte: 17% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Tổng công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế.

Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

#### Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	415.885.652.711	334.192.941.027
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(17.346.293)	39.076.840
<b>Cộng</b>	<b>415.868.306.418</b>	<b>334.232.017.867</b>

#### 11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	349.037.956.742	152.918.397.959
Chi phí nhân công	848.442.868.710	510.807.313.065
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.374.049.208.216	2.316.965.578.672
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.788.181.744.660	6.560.653.654.094
Chi phí khác	789.125.747.272	509.599.354.989
<b>Cộng</b>	<b>11.148.837.525.600</b>	<b>10.050.944.298.779</b>

## TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tổng công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

##### 1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tổng công ty không phát sinh giao dịch và không có số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

#### 2. Các cam kết

##### *Cam kết thuê hoạt động*

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tổng công ty có các khoản cam kết liên quan đến các hợp đồng thuê hoạt động bao gồm thuê đất và thuê địa điểm đặt các trạm phát sóng và các hợp đồng thuê khác.

##### *Cam kết mua tài sản, đầu tư xây dựng cơ bản*

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tổng công ty cũng có cam kết bằng hợp đồng về việc mua tài sản, thiết bị để phục vụ cho việc xây dựng các trạm thu phát sóng và mua sắm các thiết bị viễn thông.

#### 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Lập, ngày 30 tháng 7 năm 2021

Người lập biểu

Tạ Thị Thu Vân

Kế toán trưởng

Phan Tuấn Anh

Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 0100686209 - S.T.T.H.H  
TỔNG CÔNG TY  
VIỄN THÔNG  
MOBIFONE  
Q. CẦU GIẤY - TP. HÀ NỘI

Tô Mạnh Cường